TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST Ngày 08 - 9 - 2017 V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huy ện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983

ĐKNKTT: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán Việt Nam do hiểu biết pháp luật kém nên đến ngày 14/3/2015 mới thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi lấy nhau chị và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Anh C không chia sẻ những khó khăn trong công việc làm ăn với chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Thực tế chị và anh C đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2016. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài chị xin ly hôn anh C để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 16/6/2001. Khi ly hôn chị và anh C thỏa thuận giao cháu Đặng Thị T cho anh C nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị và anh Cửu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh C tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn C: Vắng mặt tại phiên toà và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do anh bận công việc. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh Đặng Văn C, thể hiện về thời gian lấy nhau, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị N là phù hợp với lời khai của chị N, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 16/6/2001 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu T đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Mâu thuẫn của chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Thực tế vợ

chồng đã sống ly thân nhân nhau từ tháng 10/2016 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Yêu cầu của chị N phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn anh C. Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 16/6/2001 cho anh C nuôi vì anh C có điều kiện về thời gian và kinh tế chăm sóc cháu T tốt hơn chị N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N và anh C tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị N và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đặng Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn C có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 04/3/2015, như vậy hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị N và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng không chia sẻ những khó khăn trong công việc làm ăn nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 10/2016 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xác minh theo yêu cầu của đương sự tại chính quyền địa phương xã H cũng khẳng định nội dung trên là đúng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn C có 01 con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 16/6/2001. Chị N và anh C thỏa thuận giao cháu Đặng Thị T cho anh C nuôi và phù hợp với nguyện vọng của cháu T được ở với bố. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N và anh C tự thỏa thuận. Xét thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra trong vụ án.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Thị T, sinh ngày 16/6/2001 cho anh Đặng Văn C nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn C tự thỏa thuận không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA. 0006156 ngày 03/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đặng Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang